

Số: *22* /2023/TT-BCA

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số mẫu giấy tờ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014 ;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 24 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số mẫu giấy tờ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số mẫu giấy tờ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an

1. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Thông tin đề nghị cấp thị thực điện tử (NA1a).

2. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Đơn bảo lãnh cho thân nhân là người nước ngoài nhập cảnh (NA3).

3. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú (NA5).

4. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Đơn bảo lãnh cấp thẻ tạm trú (NA7).

5. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Giấy bảo lãnh cho người nước ngoài thường trú tại Việt Nam (NA11).

6. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Tờ khai cấp đổi, cấp lại thẻ thường trú (NA13).

7. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Đơn xin phép cho thân nhân vào khu vực cấm, khu vực biên giới (NA15).

8. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Công văn trả lời đề nghị cấp tài khoản điện tử (NB8).

9. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Thị thực rời (NC2).

10. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Thị thực điện tử (NC2a).

Điều 2. Điều khoản thi hành và quy định chuyên tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15. tháng 8. năm 2023

2. Thị thực rời, thị thực điện tử được cấp trước khi Thông tư này có hiệu lực tiếp tục được sử dụng nhập xuất cảnh Việt Nam đến khi hết thời hạn của thị thực.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, QLXNC(P4).



Đại tướng Tô Lâm



THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC ĐIỆN TỬ
VIET NAM E-VISA APPLICATION FORM

Hướng dẫn khai:

Instruction:

- Người đề nghị cấp thị thực điện tử phải khai, trả lời đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin có thật bằng tiếng Anh đối với các câu hỏi trong mẫu này.

Applicant must declare sufficiently, accurately and honestly all true information in English.

- Với các câu hỏi có nhiều lựa chọn, người đề nghị cấp thị thực điện tử cần đánh dấu ✓ vào các ô có nội dung phù hợp.

With multiple choices questions, applicant is required to tick on all the appropriate answers.

- Trường hợp người đề nghị cấp thị thực điện tử lựa chọn câu trả lời là “khác” thì phải khai nội dung cụ thể.

In case choosing "Others" answers, applicant must declare specific information.

- Trường hợp Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Việt Nam phát hiện người nước ngoài khai không đúng sự thật, sẽ từ chối cấp thị thực điện tử.

e-Visa application will be denied if there is any dishonest information in the application found by Viet Nam Immigration Authority.

- Thị thực điện tử cấp cho người nước ngoài đang ở nước ngoài có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam (không cấp cho người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam).

e-Visa is issued for foreigners who are currently abroad, wishing to enter into Viet Nam (not to foreigners who are currently temporary resident in Viet Nam).

- Thị thực điện tử chỉ sử dụng để nhập cảnh, xuất cảnh qua các cửa khẩu thuộc danh sách được Chính phủ Việt Nam cho phép (danh sách các cửa khẩu¹).

e-Visa only used for entry and exit through border gates listed by the Vietnamese Government (the list of border gates).

- Người nước ngoài thuộc diện quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8² của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam không làm thủ tục đề nghị cấp thị thực điện tử mà thông qua cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh gửi văn bản đề nghị cấp thị thực tại cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao.

Foreigners described in Clauses 1, 2, 3 and 4, Article 8 of the Law on foreigners' entry into, exit from, transit through and residence in Viet Nam, shall not apply in person for e-Visa. They must send visa applications via the inviting or sponsoring agencies/organizations to the competent agency of the Ministry of Foreign Affairs.

1. THÔNG TIN CÁ NHÂN
PERSONAL INFORMATION

Ảnh trang nhân thân hộ chiếu <i>Passport data page image</i>	1.1. Họ tên (như trên dòng ICAO tại hộ chiếu; viết in hoa): <i>Full name (as in passport data page ICAO lines; in capital letters)</i>	
	Họ: <i>Surname</i>	Chữ đệm và tên: <i>Given name</i>
	1.2. Giới tính: <i>Sex</i>	1.3. Ngày tháng năm sinh: <i>Date of birth (dd/mm/yyyy)</i>

¹Đường dẫn đến danh sách các cửa khẩu quốc tế tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử.

²Đường dẫn đến quy định của khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

	Nam <input type="checkbox"/> Male	
	Nữ <input type="checkbox"/> Female	
Ảnh người đề nghị cấp thị thực điện tử (ảnh mới chụp, kích cỡ ảnh 4 x 6cm, định dạng jpg, jpeg, kích thước ≤ 2 MB, mặt nhìn thẳng, không đội mũ, không đeo kính, trang phục lịch sự, phông ảnh nền trắng) <i>Portrait of applicant (recent photo, size 4x6cm, jpg/jpeg format, file size ≤ 2 MB, face looking straight, no hat, no glasses, polite clothes, white background)</i>	1.4. Quốc tịch: <i>Nationality</i>	1.5. Nơi sinh: <i>Place of birth</i>
	1.6. Số CMND/CCCD/ID: <i>ID Card number</i>	1.7. Tôn giáo: <i>Religion</i>

1.8. Người đề nghị cấp thị thực điện tử đã từng sử dụng hộ chiếu khác để nhập cảnh Việt Nam hay không?

Have you ever used any other passports to enter into Viet Nam?

Có Không

Yes No

Nếu "Có" hãy khai cụ thể:

If "Yes", please specify

STT <i>No.</i>	Số hộ chiếu <i>Passport No.</i>	Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>

1.9. Người đề nghị cấp thị thực điện tử có mang nhiều quốc tịch hay không?

Do you have multiple nationalities?

Không Có

No Yes

Nếu "Có" hãy khai các quốc tịch cụ thể:.....

If "Yes", please specify the nationalities

1.10. Thông tin vi phạm pháp luật Việt Nam (nếu có):

Violation of the Vietnamese laws/regulations (if any)

Hành vi vi phạm <i>Act of violation</i>	Thời gian vi phạm <i>Time of violation</i>	Hình thức xử phạt <i>Form of sanction</i>	Cơ quan ra quyết định xử phạt <i>Authority imposed sanction</i>

Lưu ý: Nếu bạn đã từng vi phạm pháp luật Việt Nam trong lần nhập cảnh trước thì bạn có thể bị từ chối cấp thị thực điện tử.

Note: If you violated Vietnamese laws/regulations in your previous entry, your e-Visa application may be denied.

2. THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC ĐIỆN TỬ E-VISA REQUEST INFORMATION

2.1. Giá trị thị thực điện tử: <i>To issue e-Visa for</i> Một lần <input type="checkbox"/> Nhiều lần <input type="checkbox"/>	2.2. Thời gian nhập cảnh: <i>e-Visa duration:</i> Cấp thị thực điện tử nhập cảnh từ ngày: / / đến
---	---



Single - entry	Multiple - entry	ngày: / / e-Visa valid from (dd/mm/yyyy): to (dd/mm/yyyy):
----------------	------------------	---

3. THÔNG TIN HỘ CHIẾU PASSPORT INFORMATION

3.1. Loại hộ chiếu: <i>Passport type</i> Ngoại giao <input type="checkbox"/> Công vụ <input type="checkbox"/> Phổ thông <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/> <i>Diplomatic Officials Ordinary Others</i> Nếu "Khác" hãy khai cụ thể:..... <i>If "Others", please specify</i>		
3.2. Số hộ chiếu: <i>Passport number</i>	3.3. Cơ quan cấp/Nơi cấp: <i>Issuing Authority/Place of issue</i>	
3.4. Ngày cấp: <i>Date of issue (dd/mm/yyyy)</i>	3.5. Ngày hết hạn: <i>Expiry date (dd/mm/yyyy)</i>	
3.6. Người đề nghị cấp thị thực điện tử có sử dụng hộ chiếu còn giá trị sử dụng khác không? <i>Do you hold any other valid passports?</i> Không <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> <i>No Yes</i> Nếu có hãy khai cụ thể:..... <i>If "Yes", please specify</i> Loại hộ chiếu: <i>Passport type</i> Ngoại giao <input type="checkbox"/> Công vụ <input type="checkbox"/> Phổ thông <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/> <i>Diplomatic Officials Ordinary Others</i> Nếu "Khác" hãy khai cụ thể:..... <i>If "Others", please specify</i> Số hộ chiếu: <i>Passport number</i> Ngày cấp: <i>Date of issue (dd/mm/yyyy)</i> Cơ quan cấp/Nơi cấp: <i>Issuing Authority/Place of issue</i> Ngày hết hạn: <i>Expiry date (dd/mm/yyyy)</i>		

4. THÔNG TIN LIÊN LẠC CONTACT INFORMATION

4.1. Địa chỉ liên lạc: <i>Contact address</i>	
4.2. Nơi ở hiện nay (khai trong trường hợp địa chỉ liên lạc trong nước khác với nơi ở hiện nay): <i>Current residential address (if contact address is different from current residential address)</i>	
4.3. Số điện thoại di động hoặc số điện thoại bàn: <i>Mobile phone number or landline phone number</i>	4.4. Địa chỉ Email: <i>Email address</i>
4.5. Liên lạc khẩn cấp: <i>Emergency contact</i>	
a) Họ và tên: <i>Full name</i>	b) Nơi ở hiện nay: <i>Current residential address</i>
c) Số điện thoại: <i>Telephone number</i>	d) Quan hệ: <i>Relationship</i>

5. NGHỀ NGHIỆP OCCUPATION

5.1. Nghề nghiệp hiện tại: <i>Current occupation</i>		
Doanh nhân <i>Businessman</i>	<input type="checkbox"/>	Học sinh <i>Student</i>
Công chức <i>Official</i>	<input type="checkbox"/>	Khác <i>Others</i>
Thất nghiệp <i>Unemployed</i>	<input type="checkbox"/>	
5.2. Thông tin nghề nghiệp: <i>Occupation information</i>		
a) Tên công ty/cơ quan/trường học: <i>Name of Company/Agency/School</i>		
b) Chức vụ/khóa học: <i>Position/Course of study:</i>		
c) Địa chỉ công ty/cơ quan/trường học: <i>Address of Company/Agency/School</i>		
d) Số điện thoại công ty/cơ quan/trường học: <i>Telephone number of Company/Agency/School</i>		

6. THÔNG TIN VỀ CHUYẾN ĐI INFORMATION ABOUT THE TRIP

6.1. Mục đích nhập cảnh: <i>Purpose of entry</i>		
Du lịch <i>Tourist</i>	<input type="checkbox"/>	Thăm thân <i>Visiting relatives</i>
Thương mại <i>Business</i>	<input type="checkbox"/>	Khác <i>Others</i>
Công tác/làm việc <i>Working</i> <input type="checkbox"/> Nếu "Khác" hãy khai cụ thể:..... <i>If "Others", please specify</i>		
Lưu ý: - Theo quy định của pháp luật Việt Nam, người nước ngoài vào đầu tư phải có giấy tờ chứng minh việc đầu tư tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư; người nước ngoài hành nghề luật sư tại Việt Nam phải có giấy phép hành nghề theo quy định của Luật Luật sư; người nước ngoài vào lao động phải có giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định của Bộ luật Lao động; người nước ngoài vào học tập phải có văn bản tiếp nhận của nhà trường hoặc cơ sở giáo dục của Việt Nam; người vào hoạt động tôn giáo, báo chí, y tế, giáo dục phải được phép của cơ quan có thẩm quyền. Người đang cư trú hợp pháp tại Việt Nam được kết hợp du lịch, thăm người thân, chữa bệnh không phải xin phép. - Người nước ngoài hoạt động tại Việt Nam phải phù hợp với mục đích nhập cảnh. Note: - According to the provisions of Vietnamese law, foreigners who are investors must have papers proving their investment in Viet Nam in accordance with the provisions of the Law on Investment; foreigners who work as lawyers in Viet Nam must have a license to practice law in accordance with the Law on Lawyers; foreigners who enter into Viet Nam to work must		



have a work permit or a certificate certifying that they are the person who are not required to have a work permit under the provisions of the Labor Code; foreigners who enter into Viet Nam to study must have a written consent by the Vietnamese schools or educational institutions; foreigners who engage in religious, journalistic, medical or educational activities must obtain permission from competent authorities. Foreigners who are residing lawfully in Viet Nam can combine tourism, visiting relatives, medical treatment without having to ask for permission.

- Foreigners' activities in Viet Nam must be in accordant with the purposes of their entry.

6.2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân dự kiến liên hệ khi vào Việt Nam?

Agency/Organization/Individual that the applicant plans to contact when enter into Viet Nam

Có Không

Yes No

Nếu "Có" hãy khai chi tiết:.....

If "Yes" please specify in details:

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân Agency/Organization/Individual	Địa chỉ Address	Số điện thoại Telephone number	Mục đích Purpose of contact

6.3. Thời gian dự định cư trú:
Intended duration of stay

6.4. Ngày dự định nhập cảnh:
Intended date of entry (dd/mm/yyyy)

6.5. Cửa khẩu dự kiến nhập cảnh:
Intended border gate of entry

6.6. Cửa khẩu dự kiến xuất cảnh:
Intended border gate of exit

6.7. Địa chỉ cư trú tại Việt Nam:
Residential address in Viet Nam

6.8. Số điện thoại liên hệ tại Việt Nam:
Contact telephone number in Viet Nam

Cam đoan thực hiện việc khai báo tạm trú theo quy định
Committed to declare temporary residence according to the provisions of Vietnamese laws

6.9. Người đề nghị cấp thị thực điện tử có từng đến Việt Nam trong 01 năm trở lại đây không?
Have you been to Viet Nam in the last 01 year?

Có Không

Yes No

Nếu "Có" hãy khai chi tiết chuyến đi.

If "Yes" please specify

Thời gian cư trú Duration of stay (từ ngày: / / / đến ngày: / / /) From (dd/mm/yyyy): to (dd/mm/yyyy):	Mục đích chuyến đi Trip's purpose

6.10. Người đề nghị cấp thị thực điện tử có người thân đang ở Việt Nam hay không?

Do you have relatives who currently reside in Viet Nam?

Có Không

Yes No

Nếu "Có" hãy khai cụ thể thông tin người thân (phạm vi người thân gồm: Ông, bà, cha, mẹ,

vợ, chồng, con, anh, chị, em ... của người đề nghị cấp thị thực điện tử)

If "Yes" please specify the relatives' information (relatives include: grandparents, father, mother, husband, wife, children, brothers, sisters... of the applicant)

Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Quan hệ <i>Relationship</i>	Địa chỉ cư trú tại Việt Nam <i>Residential address in Viet Nam</i>

7. Trẻ em dưới 14 tuổi được cấp chung hộ chiếu đề nghị được cấp cùng thị thực điện tử (nếu có):

Accompany child(ren) under 14 years old who are issued with the same passport request to be issued the same e-Visa (if any):

Lưu ý: Không đề nghị cấp thị thực điện tử cho trẻ em được cấp chung hộ chiếu nếu trẻ em đó đã được cấp hộ chiếu riêng.

Note: Do not request e-Visa issuance for the child(ren) who are issued with the same passport if he/she has his/her own passport.

STT <i>No.</i>	Họ và tên <i>Full name</i>	Giới tính <i>Sex</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Ảnh <i>Photo</i>
				(ảnh mới chụp, kích cỡ ảnh 4 x 6cm, định dạng jpg, jpeg, kích thước ≤ 2 MB, mặt nhìn thẳng, không đội mũ, không đeo kính, trang phục lịch sự, phông ảnh nền trắng) <i>(recent photo, size 4x6cm, jpg/jpeg format, file size ≤ 2 MB, face looking straight, no hat, no glasses, polite clothes, white background)</i>

8. KINH PHÍ, BẢO HIỂM CHUYẾN ĐI TRIP'S EXPENSES, INSURANCE

8.1. Kinh phí dự tính (theo đơn vị đô la Mỹ):.....USD

Intended expenses (in USD)

8.2. Ai là người đảm bảo kinh phí chuyến đi cho người đề nghị cấp thị thực điện tử:

Who will cover the trip's expenses of the applicant

a) Người đề nghị cấp thị thực điện tử tự túc kinh phí cho chuyến đi

The applicant

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đảm bảo kinh phí cho chuyến đi

Other agency/organization/individual

Nếu chọn phương án này, đề nghị cho biết các thông tin cụ thể:

If choosing this option, please specify

Nếu chọn phương án này, đề nghị cho biết hình thức chi trả cụ thể:

<p><i>If selecting this option, please specify</i></p> <p>Tiền mặt <input type="checkbox"/></p> <p><i>Cash</i></p> <p>Thẻ thanh toán quốc tế <input type="checkbox"/></p> <p><i>Credit card</i></p> <p>Séc du lịch <input type="checkbox"/></p> <p><i>Traveller's cheques</i></p>	<p>- Tên Cơ quan, tổ chức, cá nhân: <i>Name of the agency/organization/individual:</i></p> <p>- Địa chỉ: <i>Address</i></p> <p>- Số điện thoại: <i>Telephone number</i></p> <p>- Hình thức chi trả cho chuyến đi: <i>Payment method</i></p> <p>Tiền mặt <input type="checkbox"/></p> <p><i>Cash</i></p> <p>Thẻ thanh toán quốc tế <input type="checkbox"/></p> <p><i>Credit card</i></p>
<p>8.3. Người đề nghị cấp thị thực điện tử đã mua bảo hiểm cho chuyến đi đến Việt Nam chưa? <i>Does the applicant have health insurance arranged for their stay in Viet Nam?</i></p>	
<p>Có <input type="checkbox"/></p> <p><i>Yes</i></p> <p>Thông tin cụ thể: <i>Please specify</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>Không <input type="checkbox"/></p> <p><i>No</i></p>

9. THÔNG TIN CƠ QUAN TỔ CHỨC TẠI VIỆT NAM ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC ĐIỆN TỬ (NẾU CÓ)
INFORMATION OF VIET NAM AGENCY/ORGANIZATION REQUESTING E-VISA (IF ANY)

<p>9.1. Tên cơ quan, tổ chức: <i>Name of agency/organization</i></p>	
<p>9.2. Địa chỉ: <i>Address</i></p>	
<p>9.3. Số điện thoại. <i>Telephone number</i></p>	<p>9.4. Địa chỉ email: <i>Email address:</i></p>
<p>9.5 Người đại diện theo pháp luật: <i>Legal representative</i></p> <p>Họ và tên: <i>Full name</i></p> <p>Sinh ngày: <i>Date of birth</i></p> <p>Quốc tịch: <i>Nationality</i></p> <p>Giới tính: <i>Sex</i></p> <p>Số điện thoại: <i>Telephone number</i></p> <p>Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/hộ chiếu số: <i>ID Card number/Passport number</i></p> <p>Ngày cấp: <i>Date of issue (dd/mm/yyyy)</i></p> <p>Nơi cấp: <i>Place of issue</i></p>	



Địa chỉ thường trú: <i>Permanently Residential address</i>
Địa chỉ liên lạc: <i>Contact address</i>
9.6. Mục đích đề nghị cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài: <i>Purpose of requesting for e-Visa issuance for foreigner</i>
Làm việc với cơ quan, tổ chức <input type="checkbox"/> <i>Working with the agency/organization</i>
Tổ chức chương trình du lịch <input type="checkbox"/> <i>Organizing tourist program</i>
Khác <input type="checkbox"/> <i>Others</i>
Nếu chọn "Khác" đề nghị nêu cụ thể:..... <i>If "Others", please specify</i>

10. CAM ĐOAN**COMMITMENT**

10.1. Dành cho cá nhân người nước ngoài đề nghị cấp thị thực điện tử <i>For foreigners applying for e-Visa</i> Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về những thông tin đã cung cấp để đề nghị cấp thị thực điện tử của Việt Nam và nhận thức được rằng phí cấp thị thực điện tử sẽ không được hoàn trả nếu đơn xin cấp thị thực điện tử bị từ chối. <i>I hereby declare that the above statements are true, accurate and I am fully responsible before the Vietnamese laws for the information provided to apply for an e-Visa of Viet Nam and I am aware that the application fee is not refunded if the application for e-Visa of Viet Nam is denied.</i>	<input type="checkbox"/>
10.2. Dành cho cơ quan, tổ chức đề nghị cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam <i>For agency/organization requesting for e-Visa issuance for foreigner to enter into Viet Nam</i> Cơ quan, tổ chức có tên tại mục 9 xin cam đoan những thông tin đề nghị cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nêu trên là đúng sự thật, chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về những thông tin đã cung cấp để đề nghị cấp thị thực điện tử của Việt Nam cho người nước ngoài. <i>The agency/organization named in Section 9 hereby declare that the information given above regarding e-Visa application for foreigner is true, accurate and we are fully responsible before Vietnamese laws for the information provided to apply for an e-Visa of Viet Nam for foreigner.</i>	<input type="checkbox"/>

ĐỊA ĐIỂM, NGÀY THÁNG NĂM ĐỀ NGHỊ:**PLACE, DATE OF REQUEST**

ĐỊA ĐIỂM ĐỀ NGHỊ
PLACE OF REQUEST

Làm tại (quốc gia/vùng lãnh thổ):.....

Done at (country/territory)

NGÀY, THÁNG, NĂM ĐỀ NGHỊ
DATE OF REQUEST (dd/mm/yyyy)

.....





**ĐƠN BẢO LÃNH CHO THÂN NHÂN LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
NHẬP CẢNH VIỆT NAM (1)**
*SPONSORING APPLICATION FORM FOR FOREIGN FAMILY MEMBERS
TO ENTER VIETNAM*

Kính gửi: Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an
To: Immigration Department – Ministry of Public Security

I- Người bảo lãnh (The sponsor):

- 1- Họ tên (chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
- 2- Giới tính: Nam Nữ
Sex Male Female
- 3- Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Date of birth (Day, Month, Year)
- 4- Quốc tịch gốc:5- Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
- 6- Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/hộ chiếu/thẻ thường trú/thẻ tạm trú số (2):
Identity card/Passport/Permanent or Temporary Resident Card number
Ngày cấp:...../...../..... Cơ quan cấp:.....
Issuing date (Day, Month, Year) Issuing authority
- 7- Nghề nghiệp:
Occupation
- 8- Nơi làm việc (nếu có):.....
Employer and business address (if any)
- 9- Địa chỉ thường trú/tạm trú tại Việt Nam (3):
Permanent/temporary residential address in Viet Nam
- 10- Điện thoại liên hệ/Email:.....
Contact telephone number/Email

II- Người nước ngoài được bảo lãnh The sponsored:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa) <i>Full name (in capital letters)</i>	Giới tính <i>Sex</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth (Day, Month, Year)</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>		Hộ chiếu số <i>Passport number</i>	Nghề nghiệp <i>Occupation</i>	Quan hệ (4) <i>Relationship</i>
				Gốc <i>At birth</i>	Hiện nay <i>Current</i>			

III- Đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh Request the Immigration Department:

- 1- Giải quyết cho những người có tên ở Mục II được nhập cảnh Việt Nam
một lần nhiều lần từ ngày:/...../..... đến ngày...../...../.....
To grant the people listed in Part II permission of a single entry or multiple entries into Viet Nam for an intended length of stay from (Day, Month, Year)...../...../..... to/...../.....
- 2- Mục đích/Purpose of entry:
3- Dự kiến địa chỉ tạm trú ở Việt Nam:
Intended temporary residential address in Viet Nam

4- Thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam tại.....nước
để cấp thị thực.

*To inform the Vietnamese Diplomatic Mission at..... in (country)
to issue Visa.*

5- Cho nhận thị thực tại cửa khẩu, tên cửa khẩu:

*To grant permission to pick up visa upon arrival at Viet Nam's Border
Gate.*

Lý do

Reason (s)

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare that all the above information is correct

Xác nhận Certified by (5)
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)
Signature, full name, title and stamp

Làm tại ngày.....tháng..... năm.....

Done at date (Day, Month, Year)

Người bảo lãnh (ký, ghi rõ họ tên)

The sponsor's signature and full name

Ghi chú/Notes

(1) Dùng cho công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú/thẻ tạm trú tại Việt Nam mời, bảo lãnh thân nhân nhập cảnh; nộp trực tiếp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an.

This form is for Vietnamese citizens or the foreigners with Permanent or Temporary Resident Card to invite, sponsor their foreign family members to apply for a Vietnamese visa. Submit in person at the Immigration Department - Ministry of Public Security.

(2) Kèm bản sao giấy chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu/thẻ thường trú/thẻ tạm trú;

Enclose a certified copy of the ID Card/Passport or Permanent/Temporary Resident Card

(3) Công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú ghi địa chỉ thường trú; người nước ngoài có thẻ tạm trú ghi địa chỉ tạm trú.

For Vietnamese citizens or the foreigners with Permanent Resident Card, specify the permanent residential address in Viet Nam; For Temporary Resident Card holders, specify the temporary residential address.

(4) Kèm bản sao giấy tờ chứng minh quan hệ theo quy định.

Enclose supporting documents to prove family relationship as stipulated by the Law.

(5) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh người đó xác nhận các điểm khai tại Mục I. Đối với người nước ngoài có thẻ tạm trú.

For the foreigners with Temporary Resident Card, part I is certified by the Head of sponsoring organisation.





TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC, GIA HẠN TẠM TRÚ (1)
APPLICATION FORM FOR VISA ISSUANCE, STAY EXTENSION
Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú ở Việt Nam
For temporary residence foreigners in Viet Nam

I- Người đề nghị *The applicant:*

- 1- Họ tên (chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
- 2- Giới tính: Nam Nữ 3- Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)
- 4- Quốc tịch gốc:.....5- Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
- 6- Nghề nghiệp/chức vụ:.....
Occupation/position
- 7- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số:.....loại (2):.....
Passport or International Travel Document number Type
Cơ quan cấp: có giá trị đến ngày:...../...../.....
Issuing authority Expiry date (Day, Month, Year)
- 8- Nhập cảnh Việt Nam ngày:...../...../..... qua cửa khẩu:
Date of the latest entry into Viet Nam (Day, Month, Year) via Viet Nam's border gate
Mục đích nhập cảnh:.....
Purpose of entry
- 9- Được phép tạm trú đến ngày:...../...../.....
Permitted to stay until (Day, Month, Year)
- Địa chỉ tạm trú tại Việt Nam:
Temporary residential address in Viet Nam
- Điện thoại liên hệ/Email.....
Contact telephone number/Email

II- Cơ quan/tổ chức hoặc thân nhân ở Việt Nam mời, bảo lãnh:
Hosting organisation/family relative in Viet Nam

- 1- Tên cơ quan, tổ chức *Name of hosting organisation:*
.....
Địa chỉ *Address*
Điện thoại liên hệ/Email *Contact telephone number/Email*.....
- 2- Thân nhân bảo lãnh (Họ tên):
Hosting family relative (full name)
Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Date of birth (Day, Month, Year)
Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/hộ chiếu/thẻ thường trú/thẻ tạm trú số:.....
Identity Card/Passport/Permanent/Temporary Resident Card Number
Cấp ngày: cơ quan cấp:
Issuing date Issuing authority
Quan hệ với người đề nghị:.....(3)
Relationship to the applicant
Địa chỉ thường trú/tạm trú tại Việt Nam:
Permanent/temporary residential address in Viet Nam
Điện thoại liên hệ/Email:.....
Contact telephone number/Email

III- Nội dung đề nghị *Requests:*

- 1-Cấp thị thực: một lần nhiều lần có giá trị đến ngày:/...../.....
To issue a visa Single Multiple Valid to (Day, Month, Year)
- 2-Gia hạn tạm trú đến ngày:/...../.....
To extend the duration of temporary stay until (Day, Month, Year)
- 3-Lý do *Reason(s)*.....

IV- Những điều cần trình bày thêm *Additional statements:*

.....
.....

Làm tại ngày.....tháng..... năm.....
Done at date (Day, Month, Year)

Xác nhận (4) *Certified by*
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
Signature, full name, title and stamp

Người bảo lãnh
(ký, ghi rõ họ tên)
*The sponsor's signature and
fullname*

Người đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)
*The applicant's signature and
fullname*

Ghi chú *Notes:*

(1) Mỗi người khai 1 bản, kèm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, nếu thuộc trường hợp cấp thị thực rời thì nộp kèm 01 ảnh mới chụp, mặt nhìn thẳng, không đội mũ, không đeo kính, trang phục lịch sự, phông ảnh nền trắng

Submit in person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document, incase of issue separate visa, including 01 recent photos, face looking straight, no hat, no glasses, polite clothes, white background.

(2) Ghi rõ loại hộ chiếu phổ thông, công vụ, ngoại giao hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

Specify type of passport: Ordinary, Official or Diplomatic; or specify name of the International Travel Document.

(3) Kèm theo giấy tờ chứng minh quan hệ.

Enclose documents proving the family relationship

(4) Trường hợp do cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh, hoặc người nước ngoài có thẻ tạm trú mời, bảo lãnh thì thủ trưởng cơ quan, tổ chức xác nhận.

Be certified by the head of the organisation if the sponsor is an organisation or a foreigner with Temporary Resident Card.





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN BẢO LÃNH CẤP THẺ TẠM TRÚ

Kính gửi:.....(1)

I. Người bảo lãnh:

- 1- Họ tên:
- 2- Giới tính: Nam Nữ 3- Sinh ngày.....tháng.....năm.....
- 4- Địa chỉ thường trú (theo Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân):.....
- Địa chỉ tạm trú (nếu có):.....
- Điện thoại liên hệ/Email:.....
- 5- Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:.....
- 6- Nghề nghiệp:Nơi làm việc hiện nay:

II. Người được bảo lãnh:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu số	Quan hệ (2)

III. Nội dung bảo lãnh:

- 1- Bảo lãnh cho thân nhân nêu ở Mục II được cấp thẻ tạm trú theo tờ khai đề nghị cấp thẻ tạm trú (kèm theo).
- 2- Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

Làm tại ngày.....tháng..... năm.....
Người bảo lãnh (ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thường trú.
(2) Ghi rõ quan hệ với người bảo lãnh.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BẢO LÃNH
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THƯỜNG TRÚ TẠI VIỆT NAM (1)

I- Người bảo lãnh

- 1- Họ tên:.....
2- Giới tính: Nam Nữ 3- Sinh ngày.....tháng..... năm
4- Địa chỉ thường trú (ghi theo sổ hộ khẩu).....
5- Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
.....
cấp ngày: cơ quan cấp:
6- Nghề nghiệp:..... Nơi làm việc hiện nay:
.....
7. Số điện thoại:..... Email:.....

II. Người được bảo lãnh

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu số	Nghề nghiệp	Điện thoại liên hệ	Email	Quan hệ (2)

III. Nội dung bảo lãnh

1- Bảo lãnh cho thân nhân nêu ở Mục II được thường trú tại địa chỉ:
.....

2- Đảm bảo về cuộc sống cho thân nhân sau khi được thường trú (3)

a. Về nhà ở:

Người bảo lãnh cung cấp hoặc cho ở cùng nhà

Người được bảo lãnh tự mua

b. Về nguồn sống thường xuyên:

Người bảo lãnh cung cấp tài chính để nuôi dưỡng

Người được bảo lãnh tự túc

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

Làm tại ngày.....tháng..... năm.....

Người bảo lãnh (ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Nộp kèm theo đơn xin thường trú (mẫu NA12).

(2) Ghi rõ quan hệ với người bảo lãnh và kèm theo giấy tờ chứng minh.

(3) Đánh dấu x vào ô tương ứng và kèm theo giấy tờ chứng minh.



TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI THẺ THƯỜNG TRÚ(1)
APPLICATION FORM FOR PERMANENT RESIDENT CARD
RENEWAL/ REISSUANCE

(Dùng cho người nước ngoài đang thường trú tại Việt Nam)
(For permanent residence foreigners in Viet Nam)

- 1- Họ tên (chữ in hoa):.....
Full name (in capital letters)
Họ tên khác (nếu có):.....
Other names (if any)
- 2- Giới tính: Nam Nữ 3- Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)
- 4- Nơi sinh:.....
Place of birth
- 5- Quốc tịch gốc:..... 6- Quốc tịch hiện nay:.....
Nationality at birth Current nationality
- 7- Nghề nghiệp:.....
Occupation
- 8- Nơi làm việc (tên cơ quan/ tổ chức).....
Employer (Name of organisation)
Địa chỉ:
Business address
Điện thoại liên hệ/Email Contact telephone number/Email.....
- 9-Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:
Permanent residential address in Viet Nam
Số nhà: Đường/phố/thôn Phường/xã
House number Street/road/village Ward/commune
quận/huyệnthành phố/tỉnh
District City/Province
Điện thoại liên hệ/Email Contact telephone number/Email.....
- 10- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số:.....
Passport or International Travel Document number
Cơ quan cấp:có giá trị đến ngày:...../...../.....
Issuing authority: Expiry date (Day, Month, Year)
- 11- Thẻ thường trú số:.....
Permanent resident card number
Cơ quan cấp:..... ngày cấp:
Issuing authority Issuing date (Day, Month, Year)

12- Thân nhân *Family members*

Quan hệ (3) <i>Relationship</i>	Họ tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Nghề nghiệp <i>Occupation</i>	Chỗ ở hiện nay <i>Current residential address</i>

13- Nội dung đề nghị:

Requests:

+ Đổi thẻ thường trú

To renew the Permanent Resident Card

+ Cấp lại thẻ thường trú

To reissue the Permanent Resident Card

- Lý do (4).....

Reason

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct.

Làm tại ngày.....tháng..... năm.....

Done atdate (Day, Month, Year)

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)

The applicant's signature and full name

Ghi chú/Notes:

(1) Mỗi người khai 01 bản, nộp trực tiếp tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thường trú.

Submit in person one completed format the Immigration Office of Province/Central City Public Security where the applicant is residing permanently.

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 2x3cm, mặt nhìn thẳng, không đội mũ, không đeo kính, trang phục lịch sự, phông ảnh nền trắng (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời).

Enclose 02 recently taken photos in 2x3cm size with face looking straight, no hat, no glasses, polite clothes, white background (one photo on the form, the other separate).

(3) Ghi rõ bố, mẹ, vợ, chồng, con.

State clearly the information about parents, spouse and children.

(4) Ghi rõ lý do bị mất/bị hỏng/thay đổi nội dung ghi trong thẻ.

Specify the reason the card is lost/damaged/modified.





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN XIN PHÉP CHO THÂN NHÂN VÀO KHU VỰC CẤM, KHU VỰC BIÊN GIỚI (1)

Kính gửi: (2)

- Tên tôi là (chữ in hoa):
- Giới tính: Nam Nữ Sinh ngày tháng năm..... Nghề nghiệp:
- Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
-
cấp ngày cơ quan cấp:
- Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:
-
- Số điện thoại:..... Email (nếu có):.....
Đề nghị cấp phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới cho..... người nước ngoài, cụ thể như sau:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu/thẻ tạm trú/ thẻ thường trú số	Nghề nghiệp, chức vụ

- Địa chỉ tạm trú/ thường trú tại Việt Nam:
-
- Quan hệ với bản thân:(3)
- Xin vào khu vực:
- Thời gian: từ ngày đến ngày số lần
- Mục đích:

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Dùng cho công dân Việt Nam đang thường trú tại khu vực cấm, khu vực biên giới.
- Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có khu vực cấm, khu vực biên giới.
- Kèm bản sao giấy tờ chứng minh quan hệ (ông, bà, cha, mẹ của vợ hoặc chồng; vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người làm đơn).



Mẫu (Form) NB8
Kèm theo Thông tư số 22/2023/TT-BCA
ngày 30 tháng 6 năm 2023

**BỘ CÔNG AN
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm

V/v cấp tài khoản điện tử

Kính gửi:.....(1)

Theo đề nghị của (1)... tại văn bản số: ... ngày... tháng... năm... về việc cấp tài khoản điện tử để.....(2).

Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thông báo:

Kể từ ngày... tháng... năm...,(1).... được phép sử dụng tài khoản đã đăng ký truy cập vào Cổng dịch vụ công Bộ Công an để(2).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

CỤC TRƯỞNG

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức;

(2) Ghi rõ mục đích đề nghị cấp tài khoản điện tử (làm thủ tục cấp giấy tờ có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam; làm thủ tục mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam).



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THỊ THỰC
VISA

SỐ AA 0000000
N°

KÝ HIỆU

Category

CÓ GIÁ TRỊ TỪ NGÀY

Valid from

ĐẾN NGÀY

until

SỬ DỤNG MỘT / NHIỀU LẦN

Good for single / multiple entries

HỌ TÊN

Full name

NGÀY SINH

Date of birth

MANG HỘ CHIẾU CỦA NƯỚC / LÃNH THỔ

Holding passport of country / territory

SỐ

N°

THỜI HẠN TẠM TRÚ THEO PHÉP CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH.

Length of stay is subject to permission by Immigration Authority.

GHI CHÚ

Annotation

CẤP TẠI

Issued at

NGÀY

On

BẢN MẪU
SPECIMEN

**BẢN MẪU
SPECIMEN**

Mẫu (Form) NC2a
Kèm theo Thông tư số 22/2023/TT-BCA
ngày 30 tháng 6 năm 2023



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**THỊ THỰC ĐIỆN TỬ
ELECTRONIC VISA**

Số:

N^o

Ký hiệu: EV
Category

Mã:

Code

CÓ GIÁ TRỊ TỪ NGÀY

Valid from

ĐẾN NGÀY

until

SỬ DỤNG MỘT / NHIỀU LẦN.....

Good for single / multiple entries

HỌ TÊN:.....

Full name

NGÀY THÁNG NĂM SINH.....

Date of birth

MANG HỘ CHIẾU CỦA NƯỚC / LÃNH THỔ

Holding passport of country / territory

SỐ HỘ CHIẾU:.....

Passport number

THỜI HẠN ĐẾN:.....

Date of expiry

Mục đích nhập cảnh:

Purpose of entry

Tên cơ quan, tổ chức tại Việt Nam đề nghị (nếu có);

Name of applicant organisation in Viet Nam (if any)

Địa chỉ:

Address

THỜI HẠN TẠM TRÚ THEO PHÉP CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Length of stay is subject to permission by Immigration Authority

GHI CHÚ

Annotation

Mã QR

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Vietnam Immigration Department